

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 9 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Bích D, sinh năm 1985.

HKTT: Số 000, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: ấp 3, xã 4, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 000, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần hai, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2022, Biên bản phiên họp ngày 18/8/2022,*

trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị Bích D trình bày:

Chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã 4, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/7/2013. Trước khi kết hôn anh chị do quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay.

Nay chị Nông Thị Bích D yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q.

+ *Về con chung*: Chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q có hai con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 17/6/2013 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/6/2016.

Chị Nông Thị Bích D yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/6/2016 đến khi thành niên. Chị Nông Thị Bích D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nông Thị Bích D thống nhất giao cháu Trần Phúc N, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Trần Văn Q được nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Nông Thị Bích D không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị D công nhân điện tử, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ.

+ *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn Q không có ý kiến trình bày.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện của chị Nông Thị Bích D; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Căn cước công dân; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Đơn xin xét xử vắng mặt; Bản khai ý kiến con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Bích D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Q cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh

Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nông Thị Bích D vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nông Thị Bích D là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 vụ án được xét xử vào lúc 13 giờ 30 ngày 19 tháng 9 năm 2022 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn Q là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q do quen biết nên tổ chức đám cưới vào năm 2012 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã 4, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/7/2013. Việc kết hôn giữa chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị Bích D xác định: Trong thời gian chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nông Thị Bích D và anh Trần Văn Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị Bích D đối với anh Trần Văn Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/6/2016 đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện

về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị D. Giao cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/6/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Đối với cháu Trần Phúc N, sinh ngày 17/6/2013 đang sống với anh Q. Chị D thống nhất giao cháu N cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Đồng thời, ý kiến của cháu được sống với anh Q. Vì vậy, cần giao cháu N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị D và anh Q trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Q, chị D không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Thư, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đồng thời, chị D cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên, nhưng không có ý kiến của anh Q về việc có yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị Bích D xác định chị và anh Trần Văn Q về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Trần Văn Q, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nông Thị Bích D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Bích D.

- Về hôn nhân: Chị Nông Thị Bích D được ly hôn với anh Trần Văn Q.

- Về con chung:

+ Giao cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/6/2016 cho chị Nông Thị Bích D được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

+ Giao cháu Trần Phúc N, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Trần Văn Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thư do chị D không yêu cầu. Đối với cháu N, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần cấp dưỡng.

Anh Trần Văn Q và chị Nông Thị Bích D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Anh Trần Văn Q và chị Nông Thị Bích D cùng các thành viên gia đình không cản trở chị Nông Thị Bích D, anh Trần Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nông Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010325 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nông Thị Bích D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn Q không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 4, huyện Tam Nông;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh